

## BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

### TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY NEDI 2 NĂM 2016

#### A. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY NEDI2.

- Vốn điều lệ theo đăng ký Kinh doanh là: 500,00 tỷ đồng
- Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị: Hội đồng quản trị gồm 04 thành viên:
  1. Ông Nguyễn Ngọc Diệp Chủ tịch HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
  2. Ông Nguyễn Hữu Ngọc Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
  3. Ông Ứng Hồng Vận Thành viên HĐQT (đại diện phần vốn của Vinaconex)
  4. Ông Nguyễn Thành Phương Thành viên HĐQT (được bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế Bà Mạc Thị Thanh Xuân đã từ nhiệm thành viên HĐQT Công ty trong năm 2015).
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
  1. Ông Đặng Thanh Huân Trưởng Ban kiểm soát (đại diện của Vinaconex)
  2. Ông Nguyễn Xuân Dũng Thành viên Ban kiểm soát (BIDV)
  3. Ông Hoàng Trọng Thạch Thành viên Ban kiểm soát (đại diện của SME)
- Bộ máy điều hành: 03 người
  1. Ông Ứng Hồng Vận Giám đốc Công ty
  2. Ông Nguyễn Hải Đăng Phó giám đốc Công ty
  3. Ông Trần Vĩnh Hào Phó giám đốc Công ty
- Định biên lao động năm 2015: 125 người (bao gồm cả Công ty và nhà máy)

#### B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015.

##### **I. Kết quả SXKD, vận hành của nhà máy thủy điện Ngòi Phát.**

##### **1. Tình hình sản xuất và phát điện của Nhà máy.**

##### **- Đánh giá điều kiện thủy văn, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:**

+ Năm 2015 là năm đầu đi vào vận hành sản xuất nên chưa có số liệu thủy văn thống kê của năm trước để so sánh, Công ty dựa vào số liệu thủy văn tổng hợp của 47 năm trong thiết kế làm cơ sở để lập kế hoạch vận hành SXKD 2015. Năm nay ít mưa và mùa mưa đến muộn đối với toàn khu vực miền Bắc nhưng tại lưu vực Ngòi Phát tình hình thủy văn vừa phải và mưa đều. Do đặc điểm của Thủy điện Ngòi Phát là hồ dung tích nhỏ điều phối theo ngày nên khi lượng nước về đều Nhà máy sẽ tận dụng được nước phát điện tốt hơn so với trường hợp mưa nhiều và lớn dẫn đến phải xả lũ.

+ Vào mùa khô, Nhà máy đã tận dụng triệt để lượng nước để vận hành phát điện, đồng thời thực hiện công tác sửa chữa bảo trì sửa chữa. Vào mùa mưa nhiều nước Nhà máy đã thường xuyên vận hành các tổ máy ở công suất tối đa 108% công suất (thiết kế cho phép). Mặt khác, mặc dù mới là năm đầu vào vận hành nhưng Công ty và Nhà máy đã có

sự liên hệ và phối hợp rất tốt với các cấp điều độ Ao, A1 (thuộc EVN) dẫn đến các tổ máy luôn được nối lưới khi có nước về.

+ Tối ưu công tác vận hành - BTSC - khắc phục sự cố tăng công suất vận hành tức thời, tăng thời gian vận hành so với thiết kế.

Tổng hợp từ các yếu tố trên, Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2015 như sau:

| Chỉ tiêu                                              | Sản lượng<br>(triệu kWh) | Tỷ lệ % so<br>với thiết kế | Tỷ lệ %<br>so với kế<br>hoạch | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------|
| 1. Sản lượng điện thương phẩm theo công suất thiết kế | 303,5                    |                            |                               |         |
| 2. Sản lượng điện thương phẩm theo kế hoạch năm 2015  | 316,89                   | 104,4%                     |                               |         |
| 3. Sản lượng điện thương phẩm thực hiện năm 2015      | 377,94                   | 124,5%                     | 119,2%                        |         |

**- Tình hình sản xuất, vận hành và bảo trì nhà máy:**

Trong năm qua, Nhà máy về cơ bản đã đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất, hoàn thành vượt sản lượng được giao, công tác sản xuất đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, CBCNV nhà máy đến nay mặc dù đã có nhiều tiến bộ so với thời gian đầu nhưng hiện nay vẫn chưa hoàn toàn làm chủ được công nghệ vận hành. Ngoài ra vẫn còn thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao có thể nắm bắt và làm chủ hoàn toàn được công nghệ trong nhà máy.

Trong năm cũng có vài đợt lũ tuy chưa gây nguy hiểm cho công trình nhưng do lượng bùn đất đổ về, cộng thêm việc các thủy điện bậc trên xả về cũng khá lớn nên Công ty cũng phải thường xuyên nạo vét kênh xả, lòng hồ để đảm bảo lưu lượng nước tối ưu.

Đầu tháng 11, Nhà máy cũng phải dừng máy 05 ngày để xả cạn tuyến hầm năng lượng phục vụ cho công tác kiểm tra tình trạng hầm khi hết hạn bảo hành kết hợp dừng máy để BTSC. Kết quả kiểm tra cho thấy kết cấu hầm sau hơn một năm vận hành vẫn đảm bảo ổn định, an toàn.

Nhà máy cũng bắt đầu tham gia thị trường phát điện cạnh tranh từ 01/12/2015.

**2. Kết quả sản xuất kinh doanh của nhà máy.**

Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh:

- Hoạt động của nhà máy nhìn chung và hệ thống thiết bị nói riêng chưa ổn định: Do Công ty mới nhận bàn giao thiết bị để lâu từ các nhà thầu nên chưa hoàn toàn làm chủ được hệ thống thiết bị, vẫn thường xuyên xảy ra các lỗi nhỏ sự cố - thay thế dẫn đến phát sinh chi phí sửa chữa, thuê chuyên gia và mua sắm thiết bị dự phòng, thay thế.
- Tình hình thủy văn như đã báo cáo ở phần trên đánh giá chung là vừa phải và không có diễn biến thời tiết phức tạp, bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của nhà máy.
- Về công tác quản lý, công tác tài chính: Với tỷ lệ vốn vay chiếm 80% TMĐT nên dự án thủy điện Ngòi Phát có dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng rất lớn: Chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng gần 50% doanh thu, đồng thời gánh theo chi phí bảo lãnh vay vốn lớn trên số dư nợ hơn 1.000 tỷ đồng. Công tác thu hồi vốn, dòng tiền bán hàng đạt yêu cầu, bình quân tiền về sau 10 ngày làm việc kể từ khi chuyển đầy đủ hồ sơ thanh toán lên Công ty Mua bán điện, qua đó Công ty sử dụng dòng tiền linh hoạt, hiệu quả hơn.

Trong năm 2015, Công ty cũng được quan tâm, ủng hộ tích cực của Tổng công ty Vinaconex thông qua việc được Tổng công ty giảm phí bảo lãnh vay vốn ngân hàng

BIDV từ 2%/năm xuống 1%/năm trên tổng dư nợ vay của Ngân hàng BIDV kể từ tháng 07/2015 (giảm chi phí được khoảng 5 tỷ đồng). Ngoài ra, việc BIDV đồng ý giảm 0,5% lãi suất biên (giảm chi phí được khoảng 5 tỷ đồng) góp phần tăng đáng kể hiệu quả hoạt động SXKD của nhà máy.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty cùng toàn thể CBCNV với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD ngay trong năm đầu tiên. Kết quả cụ thể như sau:

| Stt | Sản lượng                | Đvt    | SL kế hoạch và thực hiện | Sản lượng theo công suất thiết kế | Chênh lệch | Tỷ lệ  |
|-----|--------------------------|--------|--------------------------|-----------------------------------|------------|--------|
| 1   | Sản lượng kế hoạch 2015  | Tr.kwh | 316,89                   | 303,5                             | 13,39      | 104,4% |
| 2   | Sản lượng thực hiện 2015 | Tr.kwh | 377,94                   | 303,5                             | 74,94      | 124,5% |

| Stt | Các chỉ tiêu                                                                     | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2015 | Thực hiện năm 2015 | Chênh lệch (TH-KH) | Tỷ lệ (%) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|--------------------|--------------------|-----------|
| 1   | Sản lượng điện thương phẩm                                                       | Triệu Kwh   | 316,89            | 377,94             | 61,05              | 119,2%    |
| 2   | Doanh thu                                                                        | Tỷ đồng     | 312,4             | 386,34             | 73,94              | 123,4%    |
| 3   | Chi phí sản xuất kinh doanh                                                      | Tỷ đồng     | 312,9             | 318,56             | 5,66               | 100,1%    |
|     | Tiền lương                                                                       | Tỷ đồng     | 17,83             | 19,2               | 1,37               |           |
|     | BHXH, BHYT, BHTN, ăn ca, chế độ khác                                             | Tỷ đồng     | 2,4               | 2,76               | 0,36               |           |
|     | Chi phí quản lý                                                                  | Tỷ đồng     | 2,78              | 2,5                | -0,28              |           |
|     | Chi phí sản xuất nhà máy: sửa chữa thường xuyên, vật tư thay thế..               | Tỷ đồng     | 12,5              | 12,5               |                    |           |
|     | Khấu hao                                                                         | Tỷ đồng     | 68,4              | 69,2               | 0,8                |           |
|     | Phí DVMTR, thuế tài nguyên                                                       |             | 25,4              | 30,4               | 5,0                |           |
|     | Bảo hiểm tài sản HTSDT                                                           | Tỷ đồng     | 3,0               | 2,8                | 0,2                |           |
|     | Chi phí các dự án Chu Linh-Cốc San, Tà Thàng phân bổ vào năm 2015                | Tỷ đồng     |                   | 8,9                | 8,9                |           |
|     | Chi phí đầu tư trước hoạt động theo ý kiến kiểm toán đầu tư phân bổ vào năm 2015 | Tỷ đồng     |                   | 3,57               | 3,57               |           |
|     | Chi phí bán hàng                                                                 | Tỷ đồng     |                   | 2,0                | 2,0                |           |
|     | Chi phí khác                                                                     | Tỷ đồng     |                   | 5,59               | 5,59               |           |
|     | Lãi vay                                                                          | Tỷ đồng     | 154,3             | 142,4              | -11,9              |           |
|     | Phí bảo lãnh vay vốn                                                             | Tỷ đồng     | 22,1              | 16,2               | -5,9               |           |
|     | Phí Bảo lãnh mua cổ phần của Techcombank                                         | Tỷ đồng     | 4,2               |                    | -4,2               |           |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế                                                               | Tỷ đồng     | (0,5)             | 67,78              |                    |           |
| 5   | Nộp ngân sách Nhà nước                                                           | Tỷ đồng     |                   | 51,69              |                    |           |

(có báo cáo thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2015 chi tiết kèm theo).

### 3. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

Với kết quả sản xuất kinh doanh trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- Tình hình trả nợ gốc (ĐVT: tỷ đồng).

| Stt | Ngân hàng tài trợ vốn | Dư nợ gốc vay đầu năm | Kế hoạch trả nợ gốc vay | Đã trả nợ gốc vay | Giải ngân trong năm | Dư nợ gốc vay cuối năm | Tỷ lệ thực hiện (%) |
|-----|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------|---------------------|------------------------|---------------------|
| 1   | BIDV                  | 1.059                 | 32                      | 82                | 70                  | 1.047                  | 256%                |
| 2   | VDB                   | 351                   | 15,8                    | 15,8              | 48                  | 386                    | 100%                |
|     | <b>Cộng</b>           | <b>1.410</b>          | <b>47,8</b>             | <b>97,8</b>       | <b>118</b>          | <b>1.433</b>           |                     |

- **Tình hình trả nợ lãi (ĐVT: tỷ đồng).**

| Stt | Ngân hàng tài trợ vốn | Kế hoạch trả nợ lãi | Đã trả nợ lãi vay | Chênh lệch | Tỷ lệ thực hiện (%) |
|-----|-----------------------|---------------------|-------------------|------------|---------------------|
| 1   | Ngân hàng BIDV        | 107,8               | 107,8             | 0          | 100%                |
| 2   | Ngân hàng VDB         | 34,4                | 34,4              | 0          | 100%                |
|     | <b>Cộng</b>           | <b>142,2</b>        | <b>142,2</b>      |            |                     |

- **Tình hình dòng tiền:**

**Dòng tiền dư cuối kỳ tại thời điểm ngày 31/12/2015: 71,5 tỷ đồng.**

## **II. Công tác đầu tư các dự án.**

### **1. Dự án nghiên cứu, khảo sát nâng công suất NM thủy điện Ngòi Phát.**

Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát sau một năm đưa vào khai thác vận hành thực tế cho thấy lưu lượng nước tự nhiên về hồ lớn hơn lưu lượng phát điện lớn nhất của Nhà máy, qua báo cáo kết quả thực tế vận hành từ đầu năm đến nay đã có được số liệu thủy văn cần thiết. Để có thể tận dụng được một phần lượng nước dư thừa và tăng hiệu quả kinh tế vận hành của Nhà máy, Công ty NEDI2 đã làm việc với Công ty Andritz Hydro (Nhà thiết kế, cung cấp, lắp đặt và chuyển giao thiết bị) về khả năng nâng công suất Nhà máy thủy điện Ngòi Phát. Trong năm 2015, công ty đã thực hiện:

NEDI2 gửi thư mời AH đề nghị đánh giá phương án, Công ty AH có văn bản trả lời xác nhận Đề án nâng công suất có thể thực hiện được, đồng thời AH đề xuất sơ bộ về phương án kỹ thuật báo cáo NEDI2 và khẳng định nhà máy có thể nâng công suất lên 17% so với thiết kế hiện nay là 72 MW (tăng thêm 12 MW). Trên cơ sở tài liệu được cung cấp từ AH, NEDI2 mời Đơn vị Tư vấn là Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Điện 1 (PECC1) hợp tác, tham gia thẩm tra, đánh giá sơ bộ về khả năng nâng công suất nhà máy.

Theo báo cáo sơ bộ của Tư vấn PECC1 kết luận nhà máy có khả năng nâng công suất đến 15% (tăng thêm 10,8 đến 11 MW so với công suất TK 72 MW, tăng thêm 4,8 - 5MW so với công suất vận hành tối đa hiện nay). Đánh giá dự án nâng công suất nếu khả thi sẽ mang lại hiệu quả rất cao (doanh thu dự kiến sẽ tăng thêm khoảng 12 tỷ đồng/năm, tổng vốn đầu tư khoảng 35 tỷ đồng, suất đầu tư 7 tỷ/MW, thủ tục pháp lý sẽ không mất nhiều thời gian so với việc đầu tư nếu các dự án mới). Vì vậy, Công ty đặt mục tiêu triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư và thực hiện dự án này trong năm 2016.

### **2. Dự án thủy điện Suối Chăn 1.**

Năm 2015, thực hiện chỉ đạo của Tổng công ty cổ phần Vinaconex về việc giao nhiệm vụ cho Công ty NEDI2 tổ chức nghiên cứu, triển khai các thủ tục xúc tiến đầu tư dự án thủy điện Suối Chăn 1. Công ty đã hoàn thành báo cáo đánh giá dự án và đề xuất phương án hợp tác đầu tư khai thác dự án trình Tổng công ty CP Vinaconex xem xét. Hiện nay, các bước triển khai tiếp theo đã và đang được Tổng công ty Vinaconex chủ trì và trực tiếp

đàm phán với đối tác. NEDI2 tiếp tục bám sát, cập nhật kịp thời các thông tin cho Tổng công ty, đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn PECC1 rà soát lại TMĐT dự án đảm bảo tính đúng, đủ theo quy định hiện hành khi các bên hợp tác thực hiện đầu tư dự án này.

### 3. Dự án khu đô thị thương mại Thủy Hoa.

Dự án này được phê duyệt từ năm 2007, tuy nhiên do các nguyên nhân khác nhau NEDI2 đã trì hoãn tiến độ nhiều lần nên hiện nay UBND tỉnh Lào Cai không chấp thuận gia hạn tiến độ và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho NEDI2, đồng thời yêu cầu trong trường hợp Chủ đầu tư tiếp tục triển khai Dự án thì sẽ phải thực hiện lại các thủ tục theo trình tự đầu tư. Với tình hình như trên, Công ty NEDI2 báo cáo đề xuất các phương án như sau:

- **Phương án 1** (tiếp tục thực hiện dự án): Công ty sẽ tiếp thu và thực hiện các yêu cầu theo kết luận chỉ đạo của UBND Tỉnh Lào Cai để nhanh chóng hoàn chỉnh thủ tục pháp lý về đất đai, thủ tục đầu tư, quy hoạch điều chỉnh dự án để sớm triển khai đầu tư, tuy nhiên Công ty đánh giá thực hiện phương án này sẽ gặp rủi ro lớn vì thực tế NEDI2 là đơn vị trái ngành về bất động sản - dịch vụ - khách sạn. Mặt khác, NEDI2 mới bắt đầu thực hiện SXKD nhà máy thủy điện Ngòi Phát từ năm 2015, trong khi chi phí cho các thủ tục đầu tư ban đầu nếu triển khai dự án Thủy Hoa là khá lớn nên Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn về tài chính khi thực hiện. Đồng thời thị trường khách sạn cao cấp tại Lào Cai cũng không tốt.
- **Phương án 2** (nhượng bán dự án): Công ty sẽ khẩn trương, gấp rút phối hợp với Tổng công ty CP Vinaconex tìm kiếm và nhượng bán toàn bộ/hoặc hợp tác đầu tư với nhà đầu tư bên ngoài (đối tác có thể mua lại toàn bộ hoặc nắm quyền chi phối khi tham gia, NEDI2 sẽ rút dần ra khỏi dự án). Đây là phương án Công ty đang ưu tiên thực hiện.
- **Phương án 3** (không thực hiện dự án): Trong trường hợp không tìm được đối tác nhượng bán, Công ty chủ động báo cáo UBND tỉnh Lào Cai thông báo bàn giao lại dự án cho địa phương và đề nghị Tỉnh Lào Cai nhanh chóng hoàn trả lại số tiền NEDI2 đã đầu tư vào dự án trong giai đoạn trước đây (tổng số 10,36 tỷ đồng).

### III. Công tác quyết toán dự án Thủy điện Ngòi Phát.

Năm 2015, ngoài việc tập trung tổ chức SXKD, vận hành nhà máy thủy điện Ngòi Phát và triển khai nghiên cứu, xúc tiến chuẩn bị đầu tư một số dự án thủy điện mới, công tác quyết toán công trình thủy điện Ngòi Phát được NEDI2 đặc biệt chú trọng quan tâm thực hiện. Kết thúc năm 2015, tổng hợp giá trị quyết toán dự án hoàn thành như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| St | Hạng mục công trình        | Tổng mức đầu tư Dự án | Giá trị quyết toán hoàn thành năm 2015 | Tỷ lệ hoàn thành |
|----|----------------------------|-----------------------|----------------------------------------|------------------|
| 1  | Chi phí xây dựng           | 1.042,99              | 924,11                                 | 89%              |
| 2  | Chi phí thiết bị           | 390,11                | 403,72                                 | 100%             |
| 3  | Bồi thường, hỗ trợ và GPMB | 29,52                 | 17,52                                  | 59%              |
| 4  | Quản lý dự án              | 76,88                 | 76,88                                  | 100%             |

| St  | Hạng mục công trình      | Tổng mức đầu tư Dự án | Giá trị quyết toán hoàn thành năm 2015                                                 | Tỷ lệ hoàn thành |
|-----|--------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 5   | Tư vấn đầu tư xây dựng   | 61,23                 | 2,04                                                                                   | 3%               |
| 6   | Chi phí khác             | 73,15                 | 67,80                                                                                  | 93%              |
| 6.1 | Các chi phí khác         | 48,74                 | 43,39                                                                                  | 89%              |
| 6.2 | Chi phí bảo lãnh vốn vay | 24,41                 | 24,41                                                                                  | 100%             |
| 7   | Lãi vay trong TGXD       | 483,36                | 483,36                                                                                 | 100%             |
| 8   | Kết quả sản xuất thử     | -70,49                | (70,49)                                                                                | 100%             |
| 9   | Dự phòng phí             | 42,99                 | Dự phòng phí: đã sử dụng 24 tỷ đồng, được phân bổ vào quyết toán các gói thầu XB và TB |                  |
|     | <b>Tổng cộng</b>         | <b>2.129,7</b>        | <b>1.904,94</b>                                                                        | <b>89%</b>       |

Giá trị quyết toán hoàn thành theo báo cáo là giá trị quyết toán sau kiểm toán. Trong quá trình quyết toán, Công ty kiểm toán độc lập cùng phối hợp với Chủ đầu tư tham gia xen kẽ, đồng thời trong từng giai đoạn quyết toán. Đánh giá các mặt về công tác quyết toán như sau:

**1. Tình hình quyết toán các gói thầu xây dựng - thiết bị.**

- Các gói thầu xây dựng: Kết thúc năm 2015, toàn bộ các gói thầu xây dựng lớn và thi công từ năm 2008 đến 2014 sẽ quyết toán hoàn thành, đạt tỉ lệ 89%.
- Các gói thầu thiết bị: Đã hoàn thành toàn bộ, đạt tỉ lệ 100%.

**2. Tình hình quyết toán chi phí QLDA, tư vấn, lãi vay, GPMB và các chi phí khác.**

- Chi phí lãi vay: Đã hoàn thành
- Chi phí quản lý dự án: Đã hoàn thành
- Chi phí tư vấn: Đang thực hiện, hiện nay Công ty đang tập trung quyết toán từng phần.
- Chi phí GPMB: công tác GPMB trong khu vực lòng hồ và Nhà máy đã quyết toán hoàn thành và được Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng thẩm định phê duyệt quyết toán.
- Riêng phần đền bù tuyến đường dây 110 kV: Do đặc thù của gói thầu này thi công năm 2013 để đáp ứng tiến độ, UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt cho NED12 vừa thi công vừa thực hiện đền bù GPMB nên thủ tục pháp lý của công tác đền bù chưa hoàn thành (trước đây mới thực hiện đo đạc, kiểm kê và ứng trước tiền cho dân, hiện nay đang hoàn thiện thủ tục trình HĐDB phê duyệt kinh phí đền bù và chi trả phần còn lại cho dân). Theo kế hoạch, trong tháng 4/2016 sẽ hoàn thành quyết toán công tác đền bù hạng mục này và cũng sẽ hoàn tất toàn bộ công tác quyết toán đền bù của dự án.
- Các chi phí khác: Đang tiến hành quyết toán.

**3. Đánh giá chung:** Kết thúc năm 2015, giá trị quyết toán hoàn thành A-B đạt 1.904,94 tỷ đồng, tương đương 89% tổng mức đầu tư dự án.

### **C. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016.**

#### **I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của nhà máy thủy điện Ngòi Phát.**

##### **1. Kế hoạch sản lượng: Căn cứ để lập kế hoạch sản lượng năm 2016**

- Căn cứ số liệu thủy văn theo thiết kế, đánh giá tình hình diễn biến thủy văn thực tế 2015 (thủy văn là yếu tố khó dự đoán chính xác, là yếu tố chính ảnh hưởng đến sản lượng)
- Kế hoạch trung tu các tổ máy vào cuối năm 2016;
- Kế hoạch sửa chữa xử lý các tồn tại: các ổ hướng tua bin của tổ máy, hệ thống nước kỹ thuật, hiện tượng tăng nhiệt ổ đỡ máy phát...
- Một số Nhà máy bậc thang phía trên bị sự cố dẫn đến không tích nước hồ để phát điện
- Các thông số vận hành thực tế sau một năm vận hành: tổn hao tự dùng và đường dây trung bình 4,1%; lượng tiêu hao nước trung bình để phát điện.
- Khả năng và các nỗ lực của Công ty và nhà máy: Tối ưu Vận hành - BTSC, tận dụng tối đa thủy văn, tăng CSVH tức thời – tăng thời gian vận hành song phải đảm bảo an toàn, tin cậy và tuổi thọ của thiết bị. Trên cơ sở đó, Công ty lập kế hoạch sản lượng 2016 như sau:

| Chỉ tiêu                   | Sản lượng thiết kế (triệu kWh) | Sản lượng thực hiện 2015 (triệu kWh) | Sản lượng kế hoạch 2016 (triệu kWh) | Tỷ lệ % so với thiết kế | Tỷ lệ % so với 2015 |
|----------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|---------------------|
| Sản lượng điện thương phẩm | 303,5                          | 377,94                               | <b>346,37</b>                       | 114%                    | 92%                 |

(có bảng tính sản lượng điện đính kèm)

##### **2. Kế hoạch bảo trì sửa chữa lớn năm 2016.**

- Năm 2016 là năm thứ 2 nhà máy đưa vào vận hành, theo kế hoạch là sẽ phải trung tu tổ máy. Thời gian sẽ tiến hành vào mùa khô tháng 11-12/2016, mỗi tổ máy 18 ngày theo kế hoạch đã được EVN thông báo và phê duyệt. Trong những ngày đó sẽ kết hợp tháo cạn tuyến năng lượng để kiểm tra định kỳ bẫy đá và tuyến hầm.
- Tiếp tục sửa chữa xử lý các tồn tại: Các ổ hướng Tua bin của tổ máy, hệ thống nước kỹ thuật, hiện tượng tăng nhiệt ổ đỡ máy phát...

##### **3. Công tác quản lý - đào tạo CBCNV vận hành.**

- Tiếp tục hoàn thiện các quy trình quản lý, quy trình vận hành bảo trì sửa chữa và đào tạo Thị trường điện năng cao;
- Tiếp tục củng cố tăng cường bộ máy: VH-BTSC của nhà máy, bồi huấn, sát hạch cho toàn thể CB-CNV các quy định của Nhà nước và các Bộ, Ngành liên quan về an toàn VSLĐ, an toàn điện, an toàn PCCN, an toàn PCLB;
- Tuyển dụng lao động có trình độ kỹ thuật có chuyên môn sâu để đáp ứng nhu cầu làm chủ công nghệ, làm chủ thiết bị của Nhà máy.

##### **4. Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD nhà máy.**

Kể từ ngày 01/12/2015 Công ty chính thức tham gia thị trường điện cạnh tranh với 10% sản lượng điện của năm. Do mới đi vào vận hành nên chưa có thống kê chính xác giá bán bình quân cả năm của nhà máy thủy điện Ngòi Phát, Vì vậy, năm 2016 Công ty lấy giá tham chiếu bình quân của các nhà máy có công suất và địa bàn tương đồng năm 2015 theo bảng thống kê giá mua điện trên thị trường với giá bán bình quân 935 đ/Kwh.

Trên cơ sở đánh giá các yếu tố ảnh hưởng, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2016 như sau:

| Stt | Các chỉ tiêu                                                                 | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2015 | Kế hoạch năm 2016 | Chênh lệch (TH-KH) | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------|-------------------|--------------------|-----------|
| 1   | Sản lượng điện thương phẩm                                                   | Triệu Kwh   | 377,94             | 346,37            | -31,57             | 91,6%     |
| 2   | Doanh thu                                                                    | Tỷ đồng     | 386,34             | 345,15            | -41,19             | 89,3%     |
| 3   | Chi phí sản xuất kinh doanh                                                  | Tỷ đồng     | 318,56             | 299,15            | -18,83             | 93,9%     |
|     | Tiền lương                                                                   | Tỷ đồng     | 19,2               | 20,9              | 1,7                |           |
|     | BHXH, BHYT, BHTN, ăn ca, chế độ khác                                         | Tỷ đồng     | 2,76               | 3,4               | 0,64               |           |
|     | Chi phí quản lý                                                              | Tỷ đồng     | 2,5                | 4,09              | 1,59               |           |
|     | Chi phí sản xuất nhà máy: sửa chữa thường xuyên, vật tư thay thế..           | Tỷ đồng     | 12,5               | 9,7               | -2,8               |           |
|     | Khấu hao                                                                     | Tỷ đồng     | 69,2               | 69,2              |                    |           |
|     | Phí DVMTR, thuế tài nguyên                                                   |             | 30,4               | 29,4              | 1,7                |           |
|     | Bảo hiểm tài sản HTSĐT                                                       | Tỷ đồng     | 2,8                | 1,8               | -1,0               |           |
|     | Chi phí các dự án Chu Linh-Cốc San, Tà Thàng phân bổ vào năm 2015            | Tỷ đồng     | 8,9                |                   | -8,9               |           |
|     | Chi phí đầu tư trước hoạt động theo ý kiến kiểm toán đầu tư phân bổ vào 2015 | Tỷ đồng     | 3,57               |                   | -3,57              |           |
|     | Chi phí bán hàng                                                             | Tỷ đồng     | 2,0                | 2,0               |                    |           |
|     | Chi phí khác                                                                 | Tỷ đồng     | 5,59               | 0,41              | -5,19              |           |
|     | Lãi vay                                                                      | Tỷ đồng     | 142,4              | 147,5             | 5,6                |           |
|     | Phí bảo lãnh vay vốn                                                         | Tỷ đồng     | 16,2               | 10,7              | -5,5               |           |
|     | Sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ HTSĐT                                               | Tỷ đồng     |                    | 1,55              | 1,55               |           |
|     | Chi phí dự phòng                                                             | Tỷ đồng     |                    | 0,5               | 0,5                |           |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế                                                           | Tỷ đồng     | 67,78              | 46                | -21,78             |           |
| 5   | Dự kiến tỉ lệ chia cổ tức năm 2016                                           |             |                    | 10%               |                    |           |
| 6   | Nộp ngân sách Nhà nước                                                       | Tỷ đồng     | 51,69              | 55,778            |                    |           |

(có bảng tính kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 chi tiết đính kèm).

#### 4. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

Với kết quả sản xuất kinh doanh dự kiến trên, tình hình tài chính của Công ty đã đi vào ổn định và luôn đảm bảo được cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- **Tình hình dự kiến trả nợ gốc (ĐVT: tỷ đồng):**

| Stt | Ngân hàng tài trợ vốn | Dư nợ gốc vay đầu năm | Kế hoạch trả nợ gốc vay | Vay bổ sung dự kiến | Dư nợ gốc vay cuối năm | Tỷ lệ ước thực hiện (%) |
|-----|-----------------------|-----------------------|-------------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|
| 1   | BIDV                  | 1.047                 | 19                      | 48                  | 1.076                  | 100%                    |
| 2   | VDB                   | 386                   | 60                      |                     | 326                    | 100%                    |
|     | <b>Cộng</b>           | <b>1.433</b>          | <b>79</b>               | <b>48</b>           | <b>1.402</b>           |                         |

- **Tình hình dự kiến trả nợ lãi:**

| Stt | Ngân hàng tài trợ vốn | Kế hoạch trả nợ lãi | Tỷ lệ ước thực hiện (%) |
|-----|-----------------------|---------------------|-------------------------|
| 1   | Ngân hàng BIDV        | 109,8               | 100%                    |
| 2   | Ngân hàng VDB         | 37,6                | 100%                    |
|     | <b>Cộng</b>           | <b>147,5</b>        |                         |

- **Kế hoạch dòng tiền năm 2016 dự kiến:**

a) Dòng tiền thuần thu về;

|   |                     |                      |
|---|---------------------|----------------------|
| + | Dư đầu năm 2016:    | 71,5 tỷ đồng         |
| + | Lợi nhuận năm 2016: | 46,0 tỷ đồng         |
| + | Khấu hao năm 2016:  | 69,2 tỷ đồng         |
|   | <b>Cộng:</b>        | <b>186,7 tỷ đồng</b> |

**b) Dòng tiền chi ra dự kiến:**

|   |                                                                      |                      |
|---|----------------------------------------------------------------------|----------------------|
| + | Trả nợ gốc vay năm 2016:                                             | 78,3 tỷ đồng         |
| + | Trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 10%:                                   | 41,5 tỷ đồng         |
| + | Thù lao HĐQT và BKS (bán thời gian):                                 | 0,5 tỷ đồng          |
| + | Quỹ khen thưởng phúc lợi 4 % LN 2015:                                | 2,7 tỷ đồng          |
| + | Quỹ đào tạo 3% lợi nhuận sau thuế 2015:                              | 2,0 tỷ đồng          |
| + | Quỹ đầu tư phát triển:                                               | 22,0 tỷ đồng         |
|   | <i>(dự án nâng công suất NM, mua văn phòng HN và các dự án khác)</i> |                      |
|   | <b>Cộng:</b>                                                         | <b>147,0 tỷ đồng</b> |
|   | <b>c) Dòng tiền cuối kỳ (c = a-b):</b>                               | <b>39,7 tỷ đồng</b>  |

**II. Công tác đầu tư các dự án.**

- Thực hiện triển khai các thủ tục đầu tư dự án dự án nâng công suất nhà máy thủy điện Ngòi Phát theo kế hoạch (hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, thu xếp vốn, lựa chọn nhà thầu trong quý III/2016 và thực hiện dự án trong quý IV (mùa khô năm 2016).
- Đối với dự án Thủy điện Suối Chăn 1: Tiếp tục bám sát và cung cấp kịp thời các thông tin cho Tổng công ty, đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát lại TMĐT dự án đảm bảo tính đúng, đủ theo quy định hiện hành để sẵn sàng khi các bên hợp tác thực hiện đầu tư dự án này.
- Các dự án thủy điện khác:

Trong năm 2016, NEDI2 sẽ xem xét, đánh giá khả năng đầu tư xây dựng mới 01 dự án nằm ở đuôi Ngòi Phát (đề xuất này đã được Công ty tư vấn ĐHXD báo cáo sơ bộ từ năm 2014), cụ thể: vị trí nằm ngã ba suối hạ lưu Ngòi Phát và hạ lưu suối Cốc Mỹ và cách nhà máy khoảng 1,5 km về phía hạ lưu, công suất dự kiến Nhà máy từ 4 đến 4,5 MW, cột nước cao 8m gồm 2 tổ máy, tuốc bin Capsun. Trước khi chính thức báo cáo cấp có thẩm quyền xin chủ trương đầu tư, NEDI2 sẽ tập trung nghiên cứu, đánh giá dự án này theo 2 góc độ:

- + Về mặt pháp lý dự án: sẽ làm việc với Bộ Công Thương và UBND tỉnh Lào Cai về khả năng bổ sung nhà máy này vào Quy hoạch bậc thang của Suối Ngòi Phát/ Quy hoạch điện VII;
- + Về mặt hiệu quả Dự án: Sẽ mời Đơn vị tư vấn khảo sát, nghiên cứu đánh giá khả năng đầu tư dự án: về mặt kỹ thuật, giải pháp công trình, sơ bộ tổng mức đầu tư và hiệu quả kinh tế tài chính của dự án.

Ngoài việc chuẩn bị đầu tư các dự án đã nêu, Công ty sẽ tiếp tục kế hoạch tìm kiếm các dự án thủy điện vừa và nhỏ khác trong khu vực Tây Bắc (các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên,...), công suất từ 5-20 MW là các dự án mới hoặc đã và đang đầu tư của các đối tác nhưng đang có khó khăn về vốn, kỹ thuật, quản lý dự án để nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền xem xét đánh giá khả năng mua lại hoặc hợp tác đầu tư.

**III. Công tác quyết toán dự án Thủy điện Ngòi Phát.**

- Các khó khăn, vướng mắc: Do nhiều nguyên nhân, công trình nhà máy thủy điện Ngòi Phát đầu tư kéo dài gần 12 năm, dự án phải tạm dừng nhiều lần, 3 lần điều chỉnh quy mô dự án, trụ sở văn phòng công ty nhiều lần di chuyển từ Lào Cai về Hà Nội và ngược lại dẫn đến hiện nay nhiều hồ sơ tài liệu thực hiện trong giai đoạn 2003-2007 bị mất mát, thất lạc. Vì vậy, trong năm 2016, Công ty sẽ phải nỗ lực tìm kiếm, phục hồi các hồ sơ của giai đoạn này để tập trung thực hiện quyết toán giai đoạn tiếp theo.

- Mục tiêu chung, trong quý III/2016, Công ty sẽ hoàn thành Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, để đảm bảo tổng thể tiến độ quyết toán, NEDI2 lập kế hoạch trình, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án sẽ chia làm 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Quyết toán chi phí đầu tư (giai đoạn 2008 - 2014): Gồm xây dựng, thiết bị, chi phí khác và công tác đền bù GPMB (riêng chi phí đền bù đường dây 110 kV sẽ quyết toán ở giai đoạn 2 do phải hoàn tất các thủ tục pháp lý về đất đai, thu hồi đất). Giá trị đề nghị phê duyệt ở giai đoạn này dự kiến khoảng: 1.912 tỷ đồng, chiếm 90% giá trị đầu tư công trình.

Tiến độ: Hoàn thành báo cáo tổng hợp quyết toán và trình phê duyệt thẩm tra quyết toán trong Quý I/2015.

+ Giai đoạn 2: Quyết toán chi phí đầu tư (giai đoạn năm 2003 - 2007) và các chi phí khác còn lại.

Tiến độ: Do giai đoạn này, tuy giá trị không lớn nhưng mất nhiều thời gian, vừa phải tìm kiếm, phục hồi hồ sơ vừa quyết toán nên tiến độ dự kiến: hoàn thành quyết toán trong quý II/2016, trình phê duyệt thẩm tra quyết toán từ Quý III/2016.

+ Tổng hợp báo cáo quyết toán dự án hoàn thành dự án: quý III/2016.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty NEDI2 kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trân trọng báo cáo!

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐIỆN MIỀN BẮC 2**

